

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HC-ST

Ngày: 02-8-2023

*“V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc T

Ông Lê Văn H

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều O - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tr - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 07 và ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST-HC ngày 09 tháng 3 năm 2022 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HC ngày 03 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐXXST-HC ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Huỳnh Kim T, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số A, đường L, tổ D, khóm C, Phường B, thành phố C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Kim T: Bà Ngô Thị Kim X, sinh năm: 1960; Địa chỉ: Số C, Lê Văn T1, tổ C, khóm C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đ (theo văn bản ủy quyền ngày 31/12/2021).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Phan Thành M, chức vụ: Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố C: Ông Nguyễn Văn T2 – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C, tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số C, đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố C;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Lê Hoàng K, chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Ngọc T3, chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền ngày 02/6/2023).

Cùng địa chỉ: Số G, đường H, Phường B, thành phố C, tỉnh Đ.

(Bà Ngô Thị Kim X, ông Huỳnh Ngọc T3 có mặt tại phiên tòa. Ông Võ Phan Thành M, ông Nguyễn Văn T2 có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện ông Huỳnh Kim T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là bà Ngô Thị Kim X trình bày:*

Nguyên cha mẹ ông T có phần diện tích đất được thụ hưởng hương hỏa của ông bà, trong đó có phần diện tích đất thổ cư tại mỏ Doi ngay miếu T ở địa bàn Phường B, thành phố C, tỉnh Đ có diện tích đất 410m² có tứ cận:

Đông giáp diện tích đất bà Bùi Thị N;

Tây giáp diện tích đất bà Bạch Thị E;

Nam giáp Kinh Thầy K;

Bắc giáp diện tích đất ông Nguyễn Hiệp H.

Diện tích đất trên cha ông Tho cho ông T vào năm 1977 sử dụng ổn định cho đến nay.

Vào năm 2002, ông T có sử dụng thêm phần diện tích đất tại bờ Kinh Thầy C (sát diện tích đất của ông T sử dụng) sau khi Nhà nước san lấp kênh lúc này phần san lấp thấp nên ông T có sử dụng san lấp bó nền cao trên diện tích đất của ông T và xây dựng nhà cấp 4 trên diện tích đất 67,2m², thửa đất số 657, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại Phường B, thành phố C, tỉnh Đ (trong đó có đất của Nhà nước chiều ngang 0,60m, chiều dài 4,2m) và ông T trực tiếp sử dụng ổn định cho đến nay, diện tích đất này chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông T có làm thủ tục kê khai đăng ký xin được cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất này nhưng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C trả hồ sơ lại với lý do chưa đủ cơ sở để giải quyết vì chưa rõ nội dung xử lý việc khiếu nại của bà Lê Thị N1. Chưa thể hiện rõ đất do ai quản lý vì việc đăng ký trên bờ kênh T (kênh T) do Nhà nước san lấp.

Danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chưa xác nhận tình trạng tranh chấp. Đồng thời bổ sung các giấy tờ chứng minh về việc khắc phục hậu quả theo Quyết định số 59/QĐ-KPHQ ngày 12/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C.

Những vấn đề trên, trong thủ tục xin cấp đất của ông T đều có kèm theo các văn bản đầy đủ theo yêu cầu trên. Đối với việc khiếu nại của bà N1 cũng đã có văn bản trả lời việc khiếu nại của bà Lê Thị N1, xem như diện tích đất ông T xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện ông T đang trực tiếp sử dụng và không có ai tranh chấp. Riêng công trình xây dựng nhà của ông T đã xây dựng trên diện tích đất của cha mẹ cho ông T từ năm 1983, vào năm 2002 - 2006 ông T xây dựng không ảnh hưởng đến công trình lân cận, không lấn chiếm không gian, chỉ giới xây dựng, nếu Nhà nước yêu cầu ông T phá dỡ căn nhà, mặc dù ông T chưa được Nhà nước cho phép thì gây tổn thất thiệt hại về tài sản của ông T. Ông T mong muốn Nhà nước xem xét chấp thuận cho ông T được tồn tại căn nhà cấp 4 trên đất (xây dựng năm 2002 - 2006), ông T chỉ có sử dụng đất công do Nhà nước san lấp có diện tích chiều ngang 0,60m, chiều dài 4,2m, (ông T có xây dựng gạch thô và gắn cửa sắt) và xin Nhà nước chấp thuận cho ông T làm thủ tục kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T chấp hành thực hiện nộp nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất phần sử dụng chiều ngang 0,60m, chiều dài 4,2m.

Ông T khiếu nại yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 67,2m², thửa đất số 657, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại Phường B, thành phố C, tỉnh Đ (trong đó có đất của Nhà nước chiều ngang 0,60m, chiều dài 4,2m).

Ngày 20/12/2021, B, thành phố C có biên bản làm việc với ông T căn cứ thông báo số 153/TB-VPUBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố C, theo ý kiến kết luận của ông Lê Quang T4 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C qua đó Ủy ban nhân dân Phường B yêu cầu ông T thực hiện ý kiến kết luận của lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố C, yêu cầu ông T thực hiện theo nội dung Quyết định số 59/QĐ-KPHQ ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Diện tích đất hiện tại ông T đang trực tiếp sử dụng có nguồn gốc của cha mẹ ông T để lại và không có ai tranh chấp.

Nay ông T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đ hủy quyết định số 59/QĐ-KPHQ ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa bà Ngô Thị Kim X đại diện cho ông T trình bày: Quyết định số 59/QĐ-KPHQ ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch UBND thành phố C không phù hợp với quy định pháp luật. Vì đất nguồn gốc là của ông T, do ông T quản lý sử dụng, đã cất nhà trọ trên đất do nhà trọ sử dụng lâu xuống cấp nên ông T cất sửa lại nhà cấp 4 như hiện nay, khi ông T cất sửa nhà chính quyền địa phương cũng không có ý kiến, ông T đã làm hồ sơ kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong nhưng do bà N1 tranh chấp nên chưa được cấp. Hiện nay, UBND thành phố C đã có văn bản trả lời đối với việc khiếu nại tranh chấp của bà N1 xong nhưng UBND thành phố C không xem xét cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **T** mà Chủ tịch **UBND thành phố C** ra quyết định buộc ông **T** khắc phục hậu quả là không phù hợp. Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét hủy Quyết định số 59/QĐ-KPHQ ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch **UBND thành phố C** về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của ông **T**.

- Theo văn bản ý kiến số 689 ngày 06/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố C trình bày:

Qua kiểm tra, rà soát thì ông **Huỳnh Kim T**, sinh năm 1954, Địa chỉ: **Số A, đường L, tổ D, khóm C, Phường B, thành phố C, tỉnh Đ** có hành vi vi phạm hành chính là lấn đất công do Nhà nước quản lý tại thửa số 657, tờ bản đồ số 9, diện tích đo đạc thực tế là 78,9m² thuộc **Phường B** và đã được **Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố C** tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai.

Hành vi của ông **T** đã vi phạm quy định tại khoản 3, Điều 10, Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Tuy nhiên, do thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012) nên **Ủy ban nhân dân thành phố C** không tiến hành xử phạt ông **T** đối với hành vi vi phạm nêu trên mà ban hành Quyết định số 59/QĐ-KPHQ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông **Huỳnh Kim T** khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm hành chính và trả lại diện tích đất đã bao chiếm với thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là 30 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định.

Việc ban hành Quyết định số 59/QĐ-KPHQ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Huỳnh Kim T** là đúng theo quy định tại Điều 28, khoản 2 Điều 65, Điều 75, Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố C** đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đ giữ nguyên Quyết định số 59/QĐ-KPHQ ngày 12/01/2021 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố C** về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Huỳnh Kim T**.

- Theo văn bản ý kiến số 775 ngày 18/10/2022 của B, thành phố C trình bày:

Sổ quản lý đất công thể hiện ngày đo đạc là ngày 11/12/2019, tại thửa đất số 830, tờ bản đồ số 09, diện tích 143,2m².

Sổ mục kê đất không thể hiện chủ sử dụng thửa đất tại Quyết định số 59/QĐ-KPHQ ngày 12/01/2021.

Tại phiên tòa ông Huỳnh Ngọc T3 trình bày: **B, thành phố C** có lập sổ quản lý đất công năm 2019, có lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông **T** năm 2020. Việc ông **T** yêu cầu hủy Quyết định số 59/QĐ-KPHQ ngày 12/01/2021 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là không phù hợp. Đề nghị

Hội đồng xét xử giữ nguyên Quyết định số 59/QĐ-KPHQ ngày 12/01/2021 Chủ tịch UBND thành phố C về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Huỳnh Kim T. Bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về tố tụng: Việc chấp hành theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký là đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 28, 38, 58, 65 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020; Điều 43 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Kim T, hủy Quyết định số 59/QĐ-KPHQ ngày 12/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ theo biên bản làm việc ngày 05/11/2020 về lĩnh vực đất đai.

Căn cứ theo biên bản vi phạm hành chính số 24/BB-VPHC ngày 24/12/2020 về lĩnh vực đất đai.

Ngày 12/01/2021, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 59/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ông Huỳnh Kim T không đồng ý nên khởi kiện đến Tòa án yêu cầu hủy Quyết định Quyết định số 59/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Xét khiếu kiện của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đ theo quy định tại Điều 30 và 32 Luật tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện, do Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 59/QĐ-KPHQ ngày 12/01/2021 đến ngày 28/12/2021 ông T đã có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nên còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 - Luật tố tụng hành chính.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố C, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng có văn bản đề

ngiht xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định Điều 157, khoản 1 Điều 158 - Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 59/QĐ-KPHQ ngày 12/01/2021.

[2.2] Về thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND thành phố C cho rằng ông Huỳnh Kim T có hành vi vi phạm hành chính là lấn đất công do Nhà nước quản lý tại thửa số 657, tờ bản đồ số 9, diện tích là 78,9m² thuộc Phường B thành phố C để xây dựng nhà ở và đã được Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố C tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 59/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[2.3] Về nội dung:

[2.3.1] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Ngày 24/12/2020, Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố C lập biên bản vi phạm hành chính số 24/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai cho rằng ông Huỳnh Kim T đã thực hiện hành vi lấn chiếm đất công do Nhà nước quản lý tại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 78,9m², thuộc thửa 657, tờ bản đồ số 9 để xây dựng nhà ở là vi phạm khoản 3 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ trên cơ sở biên bản này, ngày 12/01/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 59/QĐ-KPHQ buộc ông T phải khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích đất đã bao chiếm do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và xét xử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C có văn bản xin vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C không tham gia phiên đối thoại và có văn bản xin vắng mặt phiên tòa. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, tại thời điểm Ủy ban nhân dân Phường B lập Biên bản vi phạm hành chính vào ngày 24/12/2020 thì Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ đã hết hiệu lực pháp luật từ ngày 05/01/2020. Theo đó, văn bản áp dụng xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai đang có hiệu lực thi hành là Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Việc Ủy ban nhân dân Phường B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C áp dụng quy định của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 để xử lý

hành vi vi phạm của ông T là chưa phù hợp.

Đối chiếu quy định nêu trên thì Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố C phải áp dụng Nghị định số 91/2019/NĐ-CP để lập Biên bản vi phạm hành chính mới phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2.3.2] Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2020, quy định về việc lập biên bản vi phạm hành chính: “*Biên bản vi phạm hành chính phải được lập tại nơi xảy ra hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập tại trụ sở cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản hoặc địa điểm khác thì phải ghi rõ lý do vào biên bản*”. Tuy nhiên, Biên bản vi phạm hành chính số 24/BB-VPHC ngày 24/12/2020 làm cơ sở để ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được lập tại Ủy ban nhân dân Phường B nhưng không ghi nhận lý do.

Như vậy, về trình tự, thủ tục để Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 59/QĐ- KPHQ ngày 12/01/2021 là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét khởi kiện của ông Huỳnh Kim T yêu cầu hủy đối với Quyết định số 59/QĐ-KPHQ ngày 12/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên ông T không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm. Chủ tịch UBND thành phố C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, điểm a, khoản 2 Điều 116, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính 2015;

Điều 28, Điều 38, Điều 58, 65 của Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020;

Điều 43 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/TUBT QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Huỳnh Kim T** đối với yêu cầu hủy Quyết định số 59/QĐ-KPHQ ngày 12/01/2021 của Chủ tịch **UBND thành phố C** về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Hủy Quyết định số 59/QĐ-KPHQ ngày 12/01/2021 của Chủ tịch **UBND thành phố C** về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Về án phí hành chính sơ thẩm

: Ông **Huỳnh Kim T** không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, do thuộc trường hợp người cao tuổi, được miễn nộp tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Chủ tịch **UBND thành phố C** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSYA, THC (T).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành T